

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 108/2021/DS-PT
Ngày: 01-12-2021
Về việc “Tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Văn Hai;
2. Bà Phạm Thị Minh Châu.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 178/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 8 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 108/2021/DS-ST, ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện PT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 190/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 24, ấp PQ, xã PA, huyện PT, tỉnh An Giang. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Võ Thành P, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp Phú Q, xã PA, huyện PT, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị M, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp Phú Q, xã PA, huyện PT, tỉnh An Giang. Có mặt

Người kháng cáo: Bị đơn ông Võ Thành P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Do chỗ quen biết với nhau và là chỗ cùng xóm nên ông P có vay tiền của bà K lần đầu 100.000.000đồng, mục đích vay để P lo công ăn việc làm có làm biên nhận nợ (biên nhận nợ 100.000.000đồng đã bỏ mất), khi vay không thỏa thuận lãi. Sau khi vay xong thì ông P không đóng lãi, trả vốn, ông P có đến gặp bà K thương lượng mỗi tháng trả dần 5.000.000đồng nhưng vẫn không thực hiện, sau đó hằng tháng ông P trả dần nhiều lần tổng cộng được 6.500.000đồng.

Đến ngày 17 tháng 03 năm 2019a1, ông P đem lại nhà bà K trả 6.800.000đồng viết biên nhận nợ, ký và ghi rõ họ và tên tính tổng lại thì số tiền ông P còn nợ bà K 86.700.000đồng. Sau khi làm biên nhận nợ 86.700.000đồng thì 01 tuần sau ông P còn trả thêm được 3.200.000đồng,

Sau khi trả 3.200.000đồng thì khoảng hơn 01 tháng sau (không nhớ ngày, tháng năm), ông P trả tiếp 500.000đồng. Hiện còn nợ lại số tiền 83.000.000đồng.

Nay yêu cầu ông P trả cho bà số tiền còn nợ 83.000.000đồng và tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 17/03/2019 a1 cho đến ngày xét xử.

Bị đơn ông Võ Thành P trình bày:

Biên nhận nợ ngày 17/03/2019 a1 là do ông P viết, phần nội dung do bà K đọc cho ông P ghi, chữ ký tên “P” là của ông.

Do trước đây bà K với mẹ ruột, ông P là bà Phạm Thị M là chỗ quen biết nên hai bên qua lại tiền bạc với nhau nhưng không biết là tiền vay hay tiền hụi.

Ngày 17/03/2019 a1 bà M có đưa cho ông số tiền 6.800.000đồng lại nhà bà K trả tiền dùm, sau đó bà K buộc ông P làm biên nhận nợ, chứ ông không qua lại tiền vay hay tiền hụi gì với bà K.

Ông P hiện tại công tác tại bệnh viện Hạnh Phúc, tỉnh An Giang. Sau khi làm biên nhận thì khoản 01 tháng sau ông P có gửi trả tiền tiếp cho bà K là 3.700.000đồng, hiện còn nợ lại số tiền 83.000.000đồng.

Tiền nợ 83.000.000đồng là tiền nợ của bà Phạm Thị M nợ bà K, không liên quan đến ông P, nếu bà M có nợ bà K thì bà M có trách nhiệm trả, ông P không liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M trình bày:

Năm 2014 bà có tham gia dây hụi 1.000.000đồng do bà K làm chủ, bà tham gia bốn phần, mỗi tuần khai một lần. Dây hụi 1.000.000đồng, dây hụi 3.000.000đồng bà M hốt từng phần. Các dây hụi này bà đã hốt xong và cũng đã mãn hụi, không nhớ bao nhiêu phần và hốt được bao nhiêu tiền. Đến năm 2017, không còn khả năng chi trả nên bà và bà K ngồi lại cộng sổ nợ lại bà K số tiền 66.000.000đồng, có ghi trong sổ của bà K, hai bên thống nhất hằng tháng trả cho bà K 5.000.000đồng, còn lại số tiền 16.000.000đồng. Đến ngày 17/03/2019a1, bà có trả cho bà K 6.800.000đồng một tuần sau trả 3.200.000đ, một tháng sau trả 500.000đồng do con bà đến nhà bà K trả, (trả không nhớ ngày tháng năm). Hiện tại bà chỉ còn nợ bà K số tiền 5.500.000đồng. Tiền này là tiền nợ hụi của bà nợ không liên quan gì đến con bà là Võ Thành P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2021/DS-ST ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện PT quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K.

Buộc ông Võ Thành P trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 95.263.000đồng. Trong đó tiền vốn 83.000.000đồng, tiền lãi 12.263.000đồng.

Kể từ ngày bà K có đơn yêu cầu thi hành án, ông P không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chậm thi hành án.

Ông P phải chịu án phí theo quy định 4.763.000đồng (Bốn triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Th K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại 2.075.000đồng (Hai triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001533 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 tháng 7 năm 2021, bị đơn ông Võ Thành P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M có đơn kháng cáo xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rút yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới tại cấp phúc thẩm, không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Thành P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục, nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét chấp nhận.

[2] Xét đơn kháng cáo ông Võ Thành P, bà Phạm Thị M yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét ông P không có vay tiền của bà K, mà do bà K đọc nội dung anh ghi theo; kháng cáo bà Phạm Thị M cho rằng do bà giao dịch chơi hụi với bà K nên chỉ thừa nhận còn nợ 5.500.000 đồng, ông P không có nợ bà K.

[3] Nhận định của Tòa án cấp phúc thẩm:

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, nên bà K có giao cho ông P 100.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ, có xác lập biên nhận, nhận nợ, theo bà K trình bày do bị thất lạc. Ngày 17/3/2019 Âm, sau khi tính toán ông P còn nợ vốn 93.000.000 đồng, trả 6.800.000 đồng, còn nợ lại bà K 86.700.000 đồng, ông P xác lập biên nhận nợ và ký tên (BL 05). Các đương sự thống nhất là sau khi xác lập biên nhận nợ ngày 17/3/2019 Âm, ông P đã trả cho bà K 2 lần với số tiền 3.700.000 đồng nên còn 83.000.000 đồng, ông P không thực hiện nghĩa vụ của người trả tiền cho bà K nên phát sinh tranh chấp.

Bà K xác định bà là chủ hụi, bà M (mẹ P) là hụi viên việc giao dịch góp hụi đã hoàn tất không ai nợ ai, nên bà M không liên quan đến vụ án này, nguyên đơn yêu cầu ông P trả số nợ vay 83.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 01/01/2020 cho đến ngày xét xử là có lợi cho bị đơn (BL 47).

Ông P thừa nhận giấy nhận nợ ngày 17/3/2019 Âm do ông viết và ký tên P còn nội dung do bà K đọc biên nhận có vay của bà K, nhưng không được bà K thừa nhận. Mặt khác ông P là người có trình độ học vấn, tốt nghiệp trung cấp y tế đang công tác tại bệnh viện Hạnh Phúc, ông P cho rằng đây là nợ của mẹ ông nhưng khi ký nhận nợ ông không điện thoại hỏi mẹ ông có nợ hay không, số nợ là bao nhiêu, và khi về nhà cũng không báo cho bà M biết việc ghi nhận nợ. Nên cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, buộc ông Võ Thành P trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 95.263.000 đồng. Trong đó tiền vốn 83.000.000 đồng, tiền lãi 12.263.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

Ông Võ Thành P, bà Phạm Thị M kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ bổ sung nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để xem xét. Từ những phân tích nhận định trên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Võ Thành P, bà Phạm Thị M mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0004102; 0004103 cùng ngày 09/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Thành P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2021/DS-PT ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện PT;

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K.

Buộc ông Võ Thành P trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 95.263.000 đồng. Trong đó tiền vốn 83.000.000 đồng, tiền lãi 12.263.000 đồng.

Kể từ ngày bà K có đơn yêu cầu thi hành án, ông P không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông P phải chịu án phí theo quy định 4.763.000 đồng (Bốn triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị K được nhận lại 2.075.000 đồng (Hai triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001533 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Thành P, bà Phạm Thị M mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0004102; 0004103 cùng ngày 09/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện PT;
- THA huyện PT;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân Sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ